

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 08 – 7 – 2020

V/v: Tranh chấp về

hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Ông Bùi Trọng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn – C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P - Sinh năm: 1991 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ xx, khối z, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn C – sinh năm: 1989 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ xx, khối z, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung, Bộ Công an (Có trụ sở đóng tại: xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P trình bày:

Tôi và anh Phạm Văn C chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 01 con chung là cháu Phạm Thị Phương T – sinh ngày 02/6/2015.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, không tìm được tiếng nói chung, giữa hai bên không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Có nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã và được tổ dân phố đến hòa giải. Cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung cũng không thể tiếp tục duy trì nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Tôi xin được nuôi dưỡng trực tiếp con chung là cháu Phạm Thị Phương T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: tôi không yêu cầu anh Phạm Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Phạm Văn C trình bày: Tôi và cô Nguyễn Thị P chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 01 con chung là cháu Phạm Thị Phương T – sinh ngày 02/6/2015.

Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô xát. Nguyên nhân do gia đình gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Nay cô Nguyễn Thị P đề nghị ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi đồng ý để cô P nuôi dưỡng trực tiếp con chung là cháu Phạm Thị Phương T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay tôi đang phải chấp hành án. Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trình bày quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung nhận thấy: Bà Nguyễn Thị P và Ông Phạm Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, giữa hai bên đều thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn gia đình mà cho đến nay không thể hàn gắn được và đều đồng ý ly hôn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị P. Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với Ông Phạm Văn C. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Thị Phương T – sinh ngày 02/6/2015 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Bà Nguyễn Thị P và Ông Phạm Văn C chung sống với nhau từ năm 2015 và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận số 04 ngày 13/01/2015. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận trong thời gian chung sống đã phát sinh những mâu thuẫn mà cho đến nay không thể hòa giải và hàn gắn được. Xét mâu thuẫn gia đình giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đương sự đều thống nhất ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Phạm Thị Phương T – sinh ngày 02/6/2015. Hiện nay, ông Phạm Văn C đang phải chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung, Bộ Công an và các đương sự đều thống nhất giao con chung cho bà Nguyễn Thị P nuôi dưỡng trực tiếp. Xét thấy, việc thống nhất về việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Phạm Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thị Phương T – sinh ngày 02/6/2015 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Phạm Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005582 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND phường N, Tp.BMT
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải An